

Bản án số: 80/2021/HS - ST

Ngày: 29-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Chiều

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/ 2021/ HSST- QĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Lê Phương Kh**, sinh năm 1986 tại xã Tiên Ph, huyện Mê L, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Do Th, xã Tiên Ph, huyện Mê L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; DÂN tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị H; Có vợ và 03 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/8/2005, bị C an huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự C cộng, Kh đã nộp phạt ngày 05/8/2005; danh bản, chỉ bản số 057 do C an huyện Đan Phượng lập ngày 02/02/2021; tạm giữ từ ngày 22/01/2021 đến ngày 31/01/2021 được áp dụng biện pháp thay thế “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**2. Lê Xuân Kh1**, sinh năm 1995 tại xã Tiên Ph, huyện Mê L, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Do Th, xã Tiên Ph, huyện Mê L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; DÂN tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn Đ và bà Đoàn Thị Th; Có vợ và 01 con sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 133 do C an huyện Đan Phượng lập ngày 26/3/2021; tạm giữ, tạm giam: Không; có mặt.

**3. Trần Tiến M**, sinh năm 1997 tại thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Bãi T, thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; DÂN tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Quốc Kh2 và bà Tạ Thị Đ1; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 058 do C an huyện Đan Phượng lập ngày 02/02/2021; tạm giữ từ ngày 22/01/2021 đến ngày 31/01/2021 được áp dụng biện pháp thay thế “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1985; địa chỉ: Cụm 2, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Lê Quang T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã Liên H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đắc H1, sinh năm 1983; địa chỉ: Cụm 4, xã Liên H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Anh Vũ Tự S, sinh năm 1984; địa chỉ: Cụm 3, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã Liên H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Hoàng Duy DÂN, sinh năm 1986; địa chỉ: Cụm 3, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1996; địa chỉ: Cụm 2, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Chị Hà Thị T2, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Do Th, xã Tiên Ph, huyện Mê L, thành phố Hà Nội; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 8/2020, Lê Phương Kh cùng bàn bạc thỏa thuận với Lê Xuân Kh1 (là anh em con chú con bác) cùng góp vốn để cho người khác vay tiền với hình thức cho vay họ lấy lãi suất cao để thu lời. Quá trình hoạt động, Kh và Kh1 có thuê Trần Tiến M và D2, H, Th (không rõ nhân thân địa chỉ cụ thể ở đâu) với mức lương 7.000.0000 đồng/01người/ 01tháng (không lập hợp đồng lao động) để đi thu tiền của khách vay đóng tiền họ hàng ngày. Kh giao cho Kh1 nhiệm vụ làm hợp đồng với khách, đi xác minh, thẩm định lai lịch khách hàng trước khi cho vay và giữ giấy tờ tùy thân của khách đồng thời Kh1 sẽ nhận tiền khách trả mà M, Th, H, D2 thu được hàng ngày, cuối ngày Kh1 tổng hợp số tiền thu được vào giấy A4 rồi chụp ảnh gửi cho Kh, còn tiền Kh1 vẫn giữ hoặc tiếp tục cho khách cần vay theo sự chỉ đạo của Kh. M được giao thu tiền của khách khu vực Đan Phượng, H thu tiền của khách khu vực Chèm thuộc quận Bắc Từ Liêm, D2 và Th thu tiền của khu vực Xuân Đình, Bắc Từ Liêm (khu vực Chèm, Xuân Đình chưa phát sinh hợp đồng vay lãi với lãi suất

cao nào). Các hợp đồng vay tiền Kh giao cho Kh1 giữ và yêu cầu Kh1 thống nhất với người vay về các bất họ từ 5.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nhưng thực tế khách vay chỉ nhận được 80% số tiền vay ghi trên hợp đồng, 20% số tiền vay sẽ là tiền lãi cho 50 ngày tương đương 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tuy nhiên trong hợp đồng vay không thể hiện lãi suất, nhóm Kh thống nhất với khách sẽ cắt lãi ngay từ khi giao tiền và hàng ngày khách thanh toán số tiền đã vay trong 50 ngày, sau khi trả hết số tiền vay thì Kh1 sẽ trả lại khách giấy tờ đã thế chấp. Bản thân M cũng tham gia làm việc với một số khách hàng về việc vay tiền và cũng nắm rõ số lãi suất thoả thuận với khách vay.

Khoảng 17 giờ 15 ngày 21/01/2021, Tổ công tác tuần tra kiểm soát của Công an huyện Đan Phượng tiến hành kiểm tra phát hiện Trần Tiến M đang thu tiền “họ” góp ngày của anh Vũ Tự S ở cụm 3, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội. M khai nhận là đi thu họ cho Lê Phương Kh.

Quá trình điều tra làm rõ, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2021, nhóm của Kh đã cho 07 khách hàng vay với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng /01 ngày tương ứng với mức lãi suất là 20%/50 ngày bằng 0.4%/ ngày tương đương 146%/năm (cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật Dsự) với tổng số tiền thu lợi bất chính là 67.315.064 đồng. Cụ thể như sau:

**1. Anh Nguyễn Chí C** ở cụm 2, xã Liên Tr, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Từ ngày 07/10/2020 đến ngày 03/01/2021 anh C đã vay của nhóm Kh 03 lần (03 bất họ) với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) với lãi suất 146%/ 01 năm, cụ thể:

**Lần 1:** Vào ngày 07/10/2020, anh C vay nhóm của Kh số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), khi giao tiền nhóm của Kh trừ luôn số tiền lãi là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) cho thời hạn vay là 50 ngày lãi suất nhóm Kh thu tương đương 146%/năm, thực tế anh C chỉ được nhận 24.000.000 đồng (Hai mươi tư triệu đồng), phải trả mỗi ngày 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) trong vòng 50 ngày. Số tiền mà nhóm của Kh thu lợi bất chính là:  $6.000.000đ - (20\% : 365 \times 50 \text{ ngày} \times 30.000.000đ) = 5.178.082đ$  (Năm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng)

**Lần 2:** Ngày 07/11/2020, anh C tiếp tục vay của nhóm Kh số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), khi giao tiền nhóm của Kh thu số tiền lãi 8.000.000đ (Tám triệu đồng) trong thời hạn vay 50 ngày lãi suất nhóm Kh thu tương đương 146%/năm. Số tiền thu lợi bất chính là:  $8.000.000đ - (20\% : 365 \times 50 \text{ ngày} \times 40.000.000đ) = 6.904.109đ$  (Sáu triệu, chín trăm linh bốn nghìn một trăm linh chín đồng). Lần vay này anh C trả luôn tiền gốc còn nợ của lần vay thứ nhất. Số tiền hàng ngày anh C phải đóng cho nhóm của Kh là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) trong vòng 50 ngày.

**Lần 3:** Ngày 03/01/2021, C vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), khi giao tiền nhóm Kh thu số tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho 50 ngày, lãi suất nhóm Kh thu tương đương 146%/năm. Số tiền thu lợi bất chính là  $10.000.000đ - (20\% : 365 \times 50 \text{ ngày} \times 50.000.000đ) = 8.630.137 \text{ đồng}$ . Lần vay này

anh C trả luôn tiền gốc còn nợ của lần vay thứ hai. Số tiền hàng ngày anh C phải đóng cho nhóm Kh là 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong vòng 50 ngày. C đã đóng được 17 ngày tương đương với 17.000.000 đồng. Còn nợ là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

**2. Anh Nguyễn Duy D** ở cụm 3, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội: Từ tháng 12/2020 đến ngày 13/01/2021 anh D vay của nhóm Kh 03 lần (ba bát họ) với tổng số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) trong vòng 50 ngày, lãi suất tương đương với 146%/năm. Cụ thể:

**Lần 1:** Vào ngày 23/12/2020, anh D vay của nhóm Kh số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), khi giao tiền nhóm Kh thu số tiền lãi là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) thời hạn 50 ngày, lãi suất của nhóm thu tương đương 146%/năm, mỗi ngày anh D phải đóng họ cho nhóm Kh là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) trong vòng 50 ngày. Số tiền mà nhóm của Kh thu lời bất chính là  $4.000.000đ - (20\% : 365 \times 50 \text{ ngày} \times 20.000.000đ) = 3.452.054đ$  (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng).

**Lần 2:** Vào ngày 10/01/2021, anh D vay nhóm Kh số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), khi giao tiền nhóm của Kh thu số tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất của nhóm thu tương đương 146%/năm. Hàng ngày, anh D phải nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền đóng họ trong vòng 50 ngày. Số tiền mà nhóm của Kh thu lời bất chính là  $10.000.000đ - (20\% : 365 \times 50 \text{ ngày} \times 50.000.000đ) = 8.630.137 \text{ đồng}$  (Tám triệu, sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

**Lần 3:** Ngày 13/01/2021, anh D vay của nhóm số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), khi giao tiền nhóm Kh thu số tiền lãi là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), lãi suất của nhóm thu tương đương 146%/năm. Hàng ngày, anh D phải nộp 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) trong vòng 50 ngày. Số tiền mà nhóm của Kh thu lời bất chính là  $4.000.000đ - (20\% : 365 \times 50 \text{ ngày} \times 20.000.000đ) = 3.452.054 \text{ đ}$  (Ba triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi tư đồng)

Với ba khoản vay trên, anh D đã thanh toán hết cho nhóm Kh. Hiện không còn nợ khoản nào khác.

**3. Anh Nguyễn Hữu Ch** ở cụm 2, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội. Anh Ch vay của nhóm Kh 02 lần (hai bát họ) với tổng số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) lãi suất tương đương 146%/năm.

**Lần 1:** Vào ngày 10/12/2020: Anh Ch vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), khi giao tiền thu lãi 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), thời hạn vay 50 ngày, mỗi ngày chiến phải trả 600.000 đồng tiền gốc trong thời hạn vay 50 ngày. Lãi suất của nhóm Kh tương đương 146%/năm. Số tiền nhóm Kh thu lời bất chính là  $6.000.000đ - (20\% : 365 \times 50 \text{ ngày} \times 30.000.000đ) = 5.178.082đ$  (Năm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng).

**Lần 2:** Vào ngày 12/01/2021, anh Ch vay của nhóm Kh số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), khi giao tiền thu lãi 6.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày và thanh toán luôn số tiền còn nợ của lần vay thứ nhất, mỗi ngày Ch phải trả 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền gốc đến khi đủ 30 triệu. Lãi suất của nhóm Kh tương

đương 146%/năm. Số tiền nhóm Kh thu lời bất chính là  $6.000.000đ - (20\%:365 \times 50 \text{ ngày} \times 30.000.000đ) = 5.178.082đ$  (Năm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng). Khoản vay này Ch đã thanh toán được 4.800.000 đồng, còn nợ là 25.200.000 đồng.

**4. Anh Nguyễn Đắc H** ở cụm 4, xã Liên H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội:

Vào ngày 31/12/2020, vay của nhóm Kh tổng số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), khi giao tiền nhóm của Kh thu số tiền lãi 8.000.000đ (Tám triệu đồng), lãi suất nhóm của Kh thu tương đương 146%/năm. Hàng ngày, anh H phải đóng họ là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) trong vòng 50 ngày. Số tiền thu lợi bất chính là  $8.000.000đ - (20\%:365 \times 50 \text{ ngày} \times 40.000.000đ) = 6.904.109 \text{ đồng}$  (Sáu triệu, chín trăm linh bốn nghìn một trăm linh chín đồng). Anh H đã trả cho nhóm Kh 15.200.000đ, còn nợ 24.800.000 đồng.

**5. Anh Lê Quang T** ở thôn T, xã Liên H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội:

Ngày 10/9/2021, anh T vay của nhóm Kh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), khi giao tiền thu lãi 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), thời hạn vay 50 ngày, mỗi ngày chiến phải trả 600.000 đồng tiền gốc đến khi đủ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lãi suất của nhóm Kh tương đương 146%/năm. Số tiền nhóm Kh thu lời bất chính là  $6.000.000đ - (20\%:365 \times 50 \text{ ngày} \times 30.000.000đ) = 5.178.082đ$  (Năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng). Số tiền vay anh T đã thanh toán hết cho nhóm Kh.

**6. Anh Hoàng Văn T1** ở thôn T, xã Liên H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội:

Ngày 10/01/2021, anh T1 vay của nhóm Kh số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), khi giao tiền thu lãi 7.000.000đ (bảy triệu đồng), thời hạn vay 50 ngày. Mỗi ngày anh T1 đóng cho nhóm Kh 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) tiền gốc trong vòng 50 ngày. Lãi suất của nhóm Kh tương đương 146%/năm. Số tiền nhóm Kh thu lời bất chính là  $7.000.000đ - (20\%:365 \times 50 \text{ ngày} \times 35.000.000đ) = 6.041.095đ$  (Sáu triệu không trăm bốn mươi một nghìn, không trăm bảy mươi lăm). Số tiền vay anh T1 đã thanh toán hết cho nhóm Kh.

**7. Anh Vũ Tự S** ở cụm 3, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội:

Vào ngày 16/01/2021, anh S vay của nhóm Kh số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) dưới hình thức vay họ góp đóng trong thời hạn 50 ngày, thu luôn tiền lãi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), anh S chỉ được nhận 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), mỗi ngày anh S đóng cho nhóm Kh 300.000 đồng. Số tiền mà nhóm Kh thu lời bất chính là:  $3.000.000đ - (20\%:365 \times 50 \text{ ngày} \times 15.000.000đ) = 2.589.041 \text{ đồng}$  (Hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Anh S đã trả cho nhóm Kh 5 ngày tương đương 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), ngày 21/01/2021 khi đang chuẩn bị nộp tiền cho M thì bị Công an kiểm tra thu giữ số tiền 300.000 đồng (là tiền họ nộp cho ngày 21/01/2021). Hiện anh S còn nợ nhóm Kh là 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng)

Như vậy, từ tháng 8/2020 đến ngày 16/01/2021, nhóm của Kh cho 07 khách hàng vay tổng số tiền là 390.000.000đ (ba trăm chín mươi triệu đồng) với mức lãi suất 0.4 %/ tháng, tương đương 146%/ năm cao gấp 7.3 lần mức lãi suất cao nhất

theo quy định của BLDS (20%/năm). Số tiền mà nhóm Kh thu lời bất chính là: 67.315.064 đồng.

Tại bản cáo trạng số 57/CT - VKS - ĐP ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng đã truy tố bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh, Trần Tiến Mạnh về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu trên. Ngoài khoản cho vay nêu trong cáo trạng thì các bị cáo còn cho một số người vay với mức lãi suất tương ứng của Ngân hàng; do khoản vay đã lâu nên các bị cáo không cung cấp được địa chỉ, họ tên của người vay. Quá trình điều tra đến nay, những người vay nêu trên duy chỉ có anh Nguyễn Đắc H đã trả các bị cáo số tiền 24.800.000 đồng. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Trần Tiến M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu trên. Bị cáo làm thuê cho Kh, Kh1 khoảng cuối năm 2020. Bị cáo có nhiệm vụ kiểm tra điều kiện cho vay của 07 người nêu trên để cho vay, thu lãi, gốc theo sự chỉ đạo của Kh, Kh1 ở địa bàn huyện Đan Phượng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh H và anh S trình bày có vay tiền của Kh, Kh1 như nội dung cáo trạng nêu. Anh H đã trả Kh, Kh1 số tiền 24.800.000 đồng là tất toán khoản vay. Anh S còn nợ Kh, Kh1 số tiền 13.200.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1, Trần Tiến M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Phương Kh từ 15 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung: 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

+ Khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Xuân Kh1 từ 80.000.0000 đồng đến 100.000.000 đồng.

+ Khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Tiến M từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Truy nộp số tiền gốc cho vay lãi nặng là 293.500.000 đồng, số tiền gốc anh H trả cho bị cáo trong quá trình điều tra 24.800.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc cho vay, mức lãi suất tương ứng 20%/năm là 10.684.936 đồng của bị cáo Kh, Kh1. Tổng số tiền Kh, Kh1 bị truy nộp là 328.984.936đ (Ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng), mỗi bị cáo liên đới phải nộp số tiền tương ứng 164.492.468đ (Một trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

+ Truy nộp số tiền gốc cho vay lãi nặng của những người vay chưa thanh toán cho bị cáo Kh, Kh, gồm: Anh Nguyễn Chí C truy nộp 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng); anh Nguyễn Hữu Ch truy nộp 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng); anh Vũ Tụ S truy nộp 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp tiền gốc bị Công an tịch thu.

+ Buộc bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1 phải trả lại cho người vay số tiền lãi thu lời bất chính là tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc cho vay, vượt mức lãi suất 20%/năm là 67.315.064 đồng. Cụ thể:

Bị cáo Kh, Kh1 phải trả anh Nguyễn Chí C số tiền 20.712.238 đồng, mỗi bị cáo liên đới phải trả anh C số tiền 10.356.119đ (Mười triệu ba trăm lẻ sáu nghìn một trăm mười chín đồng)..

Bị cáo Kh, Kh1 phải trả anh Lê Quang T số tiền 5.178.082 đồng, mỗi bị cáo liên đới phải trả anh T số tiền 2.589.041đ (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 phải trả anh Nguyễn Đắc H số tiền 6.904.109 đồng, mỗi bị cáo liên đới phải trả anh H số tiền 3.452.054đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 phải trả anh Vũ Tụ S số tiền 2.589.041 đồng mỗi bị cáo liên đới phải trả anh S số tiền 1.294.520đ (Một triệu hai trăm bốn mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 trả anh Hoàng Văn T1 số tiền 6.041.095 đồng, mỗi bị cáo liên đới phải trả anh T1 số tiền 3.020.547đ (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 phải trả anh Hoàng Duy D số tiền 15.534.245 đồng, mỗi bị cáo liên đới phải trả anh D số tiền 7.767.122đ (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng).

Bị cáo Kh, Kh phải trả anh Nguyễn Hữu Ch số tiền 10.356.164 đồng, mỗi bị cáo liên đới phải trả lại cho anh Ch số tiền 5.178.082đ (Năm triệu một trăm bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Trả lại: anh D 01 sổ hộ khẩu số 241327405 mang tên Hoàng Duy D; anh Ch 01 hộ chiếu C2398360 và 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Nguyễn Hữu Ch; anh S 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Vũ Tụ S; anh T 01 căn cước công dân mang tên Lê Quang T; chị Hà Thị T2 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); bị cáo Kh, Kh1 số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); 01 quyển sổ A4 màu đỏ không rõ tên địa chỉ và nhân thân của Lê Phương Kh và chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Huy B.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu đen lắp số thuê bao 0966845042 của Trần Tiến M; 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu xám lắp số thuê bao 0982688389 và 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng lắp số sim 0987558683 đều của Lê Phương Kh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án xảy ra trên địa bàn huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện Đan Phượng. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và đến thời điểm tòa án xét xử thì bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác đều không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1, Trần Tiến M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp vật chứng vụ án, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Nhằm mục đích thu lợi bất chính, từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2021, Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1, Trần Tiến M đã cho 07 khách hàng vay bằng hình thức hộ, số tiền 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng). Kh, Kh1, M thỏa thuận với người vay hộ cụ thể: Người vay hộ phải trả gốc trong thời hạn 50 ngày; cắt lãi luôn khi cho vay với mức 20%/ hộ, tương ứng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất bằng 0.4%/ngày tương đương 146%/năm (cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự là 20%/01 năm). Tổng số tiền thu lời bất chính là 67.315.064đ (Sáu mươi bảy triệu, ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tư đồng). Hành vi trên của Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1, Trần Tiến M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1 và hành vi thu lãi nặng của Trần Tiến M xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Các bị cáo Kh, Kh1, M đều biết hành vi cho vay lãi nặng là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm thu lợi bất chính. Hiện nay loại tội phạm này đang có xu hướng gia tăng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội, làm gia tăng tội phạm khác. Năm 2005, bị cáo Lê Phương Kh đã bị xử lý hành chính về hành vi cố ý gây thương tích từ đó đến nay không có vi phạm. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần nhắc mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.



Trong vụ án này, Kh, Kh1, M tham gia với vai trò đồng phạm. Kh, Kh1 cùng góp vốn cho vay nặng lãi, có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm thu tiền vay, tiền lãi vay. M làm thuê cho Kh, Kh1 có nhiệm vụ tiếp cận người vay, thu giấy tờ, xác minh điều kiện để cho vay và thu lãi theo sự điều hành của Kh và Kh1.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Kh, Kh1, M đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Kh1 sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đầu thú là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét tính chất phạm tội cũng như quy định của Bộ luật hình sự phạt Lê Phương Kh cải tạo không giam giữ và áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Bị cáo Lê Xuân Kh1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tiền. Bị cáo Trần Tiến M làm thuê cho Kh, Kh1 nên áp dụng hình phạt tiền.

[4]. Quá trình điều tra, cơ quan công an đã thu giữ của các bị cáo 04 cuốn sổ, có chữ có chữ “sổ 6886” ngoài ghi tên 07 trường hợp vay tiền nêu trên, còn phát hiện một số tên người vay tiền ở nhiều nơi, địa chỉ không cụ thể; Kh, Kh1, M khai cho những trường hợp này vay tiền không lãi suất, ngoài thông tin ghi trong sổ thì không xác định địa chỉ cụ thể những người này ở đâu nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với 02 giấy vay tiền mang tên Ngô Thị H4, sinh năm 1986 nơi cư trú ngõ 323 phường Xuân Đ, quận Bắc Từ L, Hà Nội, Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng đã tiến hành xác minh nhưng khu vực trên không có người tên nêu trên. Kh khai nhận khi cho Hường vay tiền, Kh không tính lãi suất. Ngoài lời khai của Kh không có thêm tài liệu nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 giấy vay tiền và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Huy B, sinh năm 1981 trú tại thôn Mỹ H, xã Thanh M, huyện Thanh Oa, thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng anh Bình không có mặt tại địa phương và không biết đi đâu. Kh khai có quen biết với anh B nên khi vay tiền, Kh không tính lãi suất nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh Kh2, sinh năm 1988 trú tại Cụm 4, xã Thọ X, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với anh Kh2, anh Kh2 khai khoảng năm 2018, anh Kh2 vay của Kh số tiền 20.000.000 đồng do có quen biết nên không lấy lãi suất, khi vay tiền anh Kh2 để lại chứng minh nhân dân cho Kh giữ nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với trường hợp vay mà Trần Tiến M thu họ ngày 21/01/2021 là H5, H6, H7 và một số người khác, M thu họ nhưng không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể ở đâu. Kh, Kh1 khai nhận cho vay lãi nhưng lâu ngày nên không nhớ lãi suất thoả thuận là bao nhiêu, ngoài ra không có tài liệu nào chứng minh thêm nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với đối tượng tên D2, H, Th là người Kh thuê để thu hộ cho khách ở khu vực Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội, qua điều tra xác minh các đối tượng trên không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể ở đâu. Kh khai chưa phát sinh hợp đồng vay lãi nặng nào tại khu vực Bắc Từ Liêm, Hà Nội, việc D2 đi theo M một số lần đến gặp khách vay là do M rủ D đi, D không được phân công thu hộ của khách ở Đan Phượng, nên không có căn cứ để xử lý.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền gốc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phương tiện phạm tội và tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc cho vay, mức lãi suất tương ứng 20% là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần phải truy thu nộp Ngân sách nhà nước đối với bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1, như sau:

Số tiền gốc 390.000.000 đồng mà Kh, Khq cho anh C, anh D, anh Ch, anh H, anh T, anh T1, anh S vay lãi nặng. Các anh T1, T, D đã thanh toán xong cho Kh và Kh1; tuy nhiên một số người vay đến nay chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc cho Kh, Kh1 gồm: anh C còn nợ 33.000.000 đồng; anh Ch còn nợ 25.200.000 đồng; anh S còn nợ 13.500.000 đồng. Do vậy, Kh, Kh được trừ vào số tiền gốc người vay chưa trả nên Kh, Kh1 còn phải nộp 318.300.0000 đồng.

Bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1 thu tiền lãi trên số tiền gốc các khoản vay của anh C, anh D, anh Ch, anh H, anh T, anh T1, anh S 78.000.000 đồng, mức lãi ngày tương ứng 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương lãi suất áp dụng cho các bất hộ 146%/năm. Trên cơ sở số tiền lãi mà các bị cáo đã thu của người bốc hộ thì mức lãi suất tương ứng 20%/ năm được tính theo công thức: Số tiền lãi các bị cáo thu – (20%: 365 ngày x 50 x số tiền cho vay). Số tiền lãi cho vay thu của người vay nay được xác định 10.684.936 đồng.

Như vậy, Kh, Kh1 phải nộp Ngân sách nhà nước số tiền gốc cho vay và lãi suất tương 20%/năm là 328.984.936đ (Ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng), mỗi bị cáo liên đới phải nộp số tiền tương ứng 164.492.468đ (Một trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

- Đối với số tiền gốc người vay chưa thanh toán cho Kh, Kh1 cần buộc truy nộp, gồm:

Anh Nguyễn Chí C truy nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

Anh Nguyễn Hữu Ch truy nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Anh S nộp tiền gốc hàng ngày cho Mạnh là 300.000 đồng thì bị Công an thu giữ được trừ vào số tiền gốc anh S chưa trả cho Kh, Kh số tiền 13.500.000 đồng. Do vậy, buộc anh Vũ Tự S truy nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng)

- Đối với số tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc cho vay, vượt mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền thu lợi bất chính của người vay nên buộc bị cáo Lê Phương

Kh, Lê Xuân Kh1 phải trả lãi số tiền lãi thu lời bất chính là 67.315.604 đồng. Cụ thể:

Bị cáo Kh, Kh1 thu tiền lãi của anh Nguyễn Chí C 3 lần vay tiền là 20.712.238 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Chí C số tiền 10.356.119đ (Mười triệu ba trăm lẻ mười sáu nghìn một trăm mười chín đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 thu tiền lãi của anh Lê Quang T 1 lần vay số tiền 5.178.082 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Lê Quang T số tiền 2.589.04đ (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 thu tiền lãi của anh Nguyễn Đắc H 1 lần vay số tiền 6.904.109 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Đắc H số tiền 3.452.054đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 thu tiền lãi của anh Vũ Tự S 1 lần vay số tiền 2.589.041 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Vũ Tự S số tiền 1.294.452đ (Một triệu hai trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm lẻ hai đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 thu tiền lãi của anh Hoàng Văn T1 1 lần vay số tiền 6.041.095 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Hoàng Văn T1 số tiền 3.020.547đ (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 thu tiền lãi của anh Hoàng Duy D 3 lần vay số tiền 15.534.245 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Hoàng Duy D số tiền 7.767.122đ (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng).

Bị cáo Kh, Kh1 thu tiền lãi của anh Nguyễn Hữu Ch 2 lần vay số tiền 10.356.164 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Hữu Ch số tiền 5.178.082 (Năm triệu một trăm bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

- Đối với 01 điện thoại di động IphoneXSMAX màu đen lắp số thuê bao 0966845042 của Trần Tiến M; 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu xám lắp số thuê bao 0982688389 và 01 điện thoại IphoneXSMAX màu vàng lắp số sim 0987558683 đều của Lê Phương Kh là công cụ phương tiện thực hiện tội phạm nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với những giấy tờ của người vay giao cho bị cáo Kh, Kh1 gồm: 01 sổ hộ khẩu số 241327405 mang tên Hoàng Duy D; 01 hộ chiếu C2398360 và 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Nguyễn Hữu Ch; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Vũ Tự S; 01 căn cước công dân mang tên Lê Quang T. Các giấy tờ này liên quan đến nhân thân của người vay nên trả lại cho người cho những người vay.

- Đối với 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Huy B quá trình điều tra không xác minh làm rõ lai lịch của anh B. Do cơ quan thu giữ chứng minh thư nhân dân của anh B từ bị cáo Kh nên trả lại bị cáo Kh 01 chứng minh thư nhân dân của anh B.

- Số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cơ quan điều tra thu giữ của chị Hà Thị T2 là tiền của chị T2 kinh doanh mỹ phẩm không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chị T2.

- Số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) cơ quan điều tra thu giữ của M. M khai thu tiền của chị H5, chị H6, chị H7 và một số người khác. Số tiền này không xác định được mức lãi suất khoản vay, nhân thân lai lịch người vay. Do vậy, trả lại cho Kh, Kh1 số tiền này.

- Đối với 01 quyển sổ màu đỏ (Không rõ tên địa chỉ và nhân thân) không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo Lê Phương Kh.

[6]. Về án phí: Bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1, Trần Tiến M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1,3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Phương Kh 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 22/01/2021 đến ngày 31/01/2021) x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 03 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Phương Kh cho Ủy ban nhân dân xã Tiên Ph, huyện Mê L, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung Lê Phương Kh: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Xuân Kh1 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Tiến M 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1 truy nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho vay, tiền lãi đã thu của người vay tung ứng mức lãi suất 20%/năm là 328.984.936đ (Ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng), mỗi bị cáo liên đới phải nộp số tiền tương ứng 164.492.468đ (Một trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

- Buộc anh Nguyễn Chí C truy nộp Ngân sách Nhà nước nợ gốc số tiền vay bị cáo Kh, Kh1 là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

- Buộc anh Nguyễn Hữu Ch truy nộp Ngân sách Nhà nước nợ gốc số tiền vay bị cáo Kh, Kh1 là 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).
- Buộc anh anh Vũ Tự S truy nộp Ngân sách Nhà nước nợ gốc số tiền vay bị cáo Kh, Kh1 là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), được đối trừ 300.000 đồng của bị cáo bị thu giữ tại cơ quan điều tra (Theo ủy nhiệm chỉ ngày 22/7/2021 giữa Công an huyện Đan Phượng và Chi cục thi hành án huyện Đan Phượng). Anh S còn phải truy nộp số tiền 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).
- Buộc bị cáo Kh, Kh1 trả lại người vay (bóc họ) số tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc cho vay, vượt mức lãi suất 20%/năm là 67.315.604 đồng. Cụ thể:
  - Bị cáo Kh, Kh trả anh Nguyễn Chí C 3 lần vay tiền là 20.712.238 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Chí C số tiền 10.356.119đ (Mười triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng).
  - Bị cáo Kh, Kh trả anh Lê Quang T 1 lần vay số tiền 5.178.082 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Lê Quang T số tiền 2.589.041đ (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).
  - Bị cáo Kh, Kh1 trả anh Nguyễn Đắc H 1 lần vay số tiền 6.904.109 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Đắc H1 số tiền 3.452.054đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng).
  - Bị cáo Kh, Kh1 trả anh Vũ Tự S 1 lần vay số tiền 2.589.041 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Vũ Tự S số tiền 1.294.452đ (Một triệu hai trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).
  - Bị cáo Kh, Kh1 trả anh Hoàng Văn T1 1 lần vay số tiền 6.041.095 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Hoàng Văn T1 số tiền 3.020.547đ (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).
  - Bị cáo Kh, Kh1 trả anh Hoàng Duy D 3 lần vay số tiền 15.534.245 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Hoàng Duy D số tiền 7.767.122đ (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng).
  - Bị cáo Kh, Kh1 trả anh Nguyễn Hữu Ch 2 lần vay số tiền 10.356.164 đồng, mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Hữu Ch số tiền 5.178.082đ (Năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).
- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone XSMax màu đen lắp số thuê bao 0966845042 của Trần Tiến M; 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu xám lắp số thuê bao 0982688389 và 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng lắp số sim 0987558683(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đan Phượng và Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng ngày 13/7/2021).
- Trả lại: Anh Hoàng Duy D 01 sổ hộ khẩu số 241327405 mang tên Hoàng Duy D. Anh Nguyễn Hữu Ch 01 hộ chiếu C2398360 và 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Nguyễn Hữu Ch. Anh Vũ Tự S 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Vũ Tự S. Anh Lê Quang T 01 căn cước công dân mang tên Lê Quang T. Bị cáo Lê Phương Kh 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Huy B,

01 quyển sổ màu đỏ không rõ tên địa chỉ và nhân thân (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đan Phượng và Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng ngày 13/7/2021).

Chị Hà Thị T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Lê Phương Kh và Lê Xuân Kh1 số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Toàn bộ số tiền trên theo ủy nhiệm chi giữa Công an huyện Đan Phượng và Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng ngày 22/7/2021).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Lê Phương Kh, Lê Xuân Kh1, Trần Tiến M mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội
- CA, VKSND, THA huyện Đan Phượng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thu**